

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **159/2020/KDTM-ST**

Ngày: 30/12/2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Mai**.

Ông **Dương Xuân Đỉnh**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Đăng Hùng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Thúy Nga** - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 103/2020/TLST-KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2020/QĐ-TA ngày 21 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ trụ sở: Số 442 M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đỗ Minh Q.** Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị Phương Z** - Nhân viên xử lý nợ - Ngân hàng TMCP A.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1956.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1982.

2. Chị **Phạm Thị D**, sinh năm 1987.

3. Cháu **Nguyễn Đức E**, sinh năm 2011 (con anh **Tráng**, chị **Mão**).

4. Cháu **Nguyễn Ngọc E1**, sinh năm 2015 (con anh **Tráng**, chị **Mão**).

5. Cháu **Nguyễn Ngọc E2**, sinh năm 2020 (con anh **Tráng**, chị **Mão**).

6. Anh **Nguyễn Văn F**, sinh năm 1988.

7. Chị **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1994.

8. Cháu Nguyễn Minh H, sinh năm 2014 (con anh Chuyên, chị Huyền).
 9. Cháu Nguyễn Đức H1, sinh năm 2015 (con anh Chuyên, chị Huyền).
 10. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990.
 11. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1992.
 12. Cháu Nguyễn Đức K1, sinh năm 2018 (con anh Chiến, chị Thu).
 13. Cháu Nguyễn Kim K2, sinh năm 2020 (con anh Chiến, chị Thu).
- Đều trú tại: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.
Có mặt: Bà Z. Vắng mặt: Các đương sự còn lại.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2020 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 19/3/2019, Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn B có ký Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2080.190319 với một số nội dung cơ bản như sau:

- Ngân hàng cho ông B vay số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng;
- Thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày kế tiếp của ngày được giải ngân.
- Mục đích vay để sản xuất kinh doanh- Bổ sung vốn thiếu hụt thường xuyên trong SXKD đồ gỗ.

- Lãi suất vay trong hạn là 9,8%/năm, được điều chỉnh 03 tháng/ lần theo công thức: Lãi suất = LS13+ 4,5%/năm +X. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả bằng 10%/năm.

Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay 900.000.000 đồng cho ông B theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 19/3/2019.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên của ông B là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 503339 do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Nguyễn Văn B ngày 13/12/2011 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1423.2012/HĐTC lập ngày 03/4/2012 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ở trên, ông B đã vi phạm hợp đồng (chậm trả gốc và lãi vay hàng tháng). Ngân hàng đã phải nhiều lần thông báo, đôn đốc ông B thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho ngân hàng nhưng ông B vẫn vi phạm, chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ. Ngày 22/6/2020, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay này.

Tính đến thời điểm ngày 01/12/2020, ông B còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền sau:

- + Nợ gốc: 471.350.000 đồng;
 - + Lãi trong hạn: 48.285.098 đồng;
 - + Lãi quá hạn: 49.029.217 đồng;
 - + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.206.915 đồng;
- Tổng cộng **570.844.230** đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu:

- Ông B có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 01/12/2020 cho Ngân hàng TMCP A số tiền **570.844.230** đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 01/12/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp ông B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:**

Ông xác nhận có vay của Ngân hàng TMCP A số tiền là 900.000.000 (Chín trăm triệu) đồng.

Số tiền nợ tính đến ngày 31/8/2020 là: 774.850.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, thời gian đầu, ông vẫn trả nợ đều tiền gốc, lãi hàng tháng cho ngân hàng. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid 19 nên việc làm ăn của ông và gia đình gặp khó khăn. Do đó, ông chưa trả được gốc lãi hàng tháng cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã khởi kiện ông.

Ông xác định nghĩa vụ trả nợ là của ông và xin tiếp tục trả nợ theo như hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ông sẽ trả 50% tiền nợ gốc vào ngày gần nhất khi nhận được tiền đền bù giải phóng mặt bằng. Đề nghị ngân hàng không tính lãi phát sinh và phạt chậm lãi.

*** Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** đều vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như các phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

* Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện và nộp bổ sung bảng kê tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (30/12/2020) Theo đó, nguyên đơn xác định ngày 15/12/2020, bị đơn đã trả được thêm 100.000.000 đồng tiền nợ gốc và yêu cầu:

- Ông B có nghĩa vụ trả nợ tạm tính đến ngày 30/12/2020 cho Ngân hàng TMCP A số tiền:

- + Nợ gốc: 371.350.000 đồng;
 - + Lãi trong hạn: 48.258.098 đồng;
 - + Lãi quá hạn: 58.596.206 đồng;
 - + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.499.698 đồng;
- Tổng cộng **480.704.002** đồng.

Đồng thời, ông B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp ông B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn

liên với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn B và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật. Bị đơn chấp hành tương đối pháp luật còn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành tốt pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền nợ tính đến ngày 30/12/2020 là:

+ Nợ gốc: 371.350.000 đồng;

+ Lãi trong hạn: 48.258.098 đồng;

+ Lãi quá hạn: 58.596.206 đồng;

+ Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.499.698 đồng;

Tổng cộng **480.704.002** đồng.

Và tiền lãi phát sinh tương ứng với số dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các văn bản liên quan đã ký kết kể từ ngày 30/12/2020 cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết khoản nợ.

- Nếu trường hợp ông B không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội.

- Về án phí: Vụ án áp dụng án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích sử dụng tiền vay là để sản xuất kinh doanh, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký kinh doanh nên xác định đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn B đang cư trú tại địa bàn huyện Đông Anh. Như vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân huyện Đông Anh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt đối với bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp

lệ các văn bản tố tụng, Giấy triệu tập cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, không lên Tòa án làm việc, không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, vắng mặt tại các buổi tiến hành tố tụng gây khó khăn và làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án. Bị đơn và tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt họ theo thủ tục chung tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2080.190319 ngày 19/3/2019:

- Về chủ thể giao kết hợp đồng: Ngân hàng TMCP A là pháp nhân được thành lập hợp pháp và hoạt động trong các lĩnh vực theo Giấy phép thành lập và hoạt động, trong đó có hoạt động cấp tín dụng. Ông Nguyễn Văn B có đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng hợp pháp về chủ thể.

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu xác nhận nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

- Về nội dung: Các điều khoản trong hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội; Các bên thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, đã tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận, thừa nhận không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[3] Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp:

Về chủ thể giao kết hợp đồng: Hợp đồng thế chấp được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A và ông Nguyễn Văn B. Ngân hàng TMCP A có đủ tư cách pháp nhân. Ông B có đủ năng lực hành vi dân sự khi tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy, hợp đồng hợp pháp về chủ thể.

- Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, các bên đã ký tên, đóng dấu xác nhận và đã được Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội công chứng ngày 03/4/2012 nên hợp đồng hợp pháp về hình thức.

- Về nội dung:

Về tài sản thế chấp: Theo Điều 1 của Hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 503339 do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Nguyễn Văn B ngày 13/12/2011. Do đó, xác định tài sản thế chấp thuộc toàn quyền quản lý, sử dụng của ông Nguyễn Văn B.

Việc thế chấp tài sản bảo đảm nêu trên đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định. Các bên thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, đã tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận, thừa nhận không bị lừa dối, ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[4] Về nghĩa vụ trả gốc và lãi: Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2080.190319 ngày 19/3/2019 có thời hạn cho vay là 84 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân (20/3/2019). Nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên theo Điều 6, Điều 7 của Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn có căn cứ yêu cầu thu hồi nợ trước hạn, chuyển các khoản nợ gốc sang quá hạn từ ngày liền sau của ngày bị đơn phải thanh toán nợ cho nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

- Về yêu cầu trả tiền nợ gốc và nợ lãi, phạt:

Xét thấy, sự thỏa thuận về điều kiện thu hồi nợ trước hạn, về tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả của các bên trong trường hợp thu hồi nợ trước hạn là không vi phạm pháp luật. Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn là có căn cứ cần được chấp nhận. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 22/6/2020, Ngân hàng đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay này. Do đó, nguyên đơn được tính lãi quá hạn, phạt chậm trả theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tín dụng.

Như vậy, xác định số tiền ông B phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/12/2020 là:

+ Nợ gốc: 371.350.000 đồng;
+ Lãi trong hạn: 48.258.098 đồng;
+ Lãi quá hạn: 58.596.206 đồng;
+ Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.499.698 đồng;
Tổng cộng **480.704.002** đồng.

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Theo hợp đồng thế chấp, ông Nguyễn Văn B đã dùng tài sản của mình là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng tín dụng. Theo Điều 2 của Hợp đồng thế chấp, nghĩa vụ được bảo đảm bao gồm toàn bộ các khoản vay của ông B tại Ngân hàng TMCP A, trong đó có nghĩa vụ trả tiền gốc, lãi, phí, các khoản phải trả khác...vv. Ông B khẳng định hiện trạng thửa đất thế chấp và các tài sản gắn liền với đất không có sự thay đổi kể từ khi thế chấp.

Do đó, trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật là có căn cứ cần chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 317; 323; 324; 355; 463; 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 được sửa đổi bổ sung theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất và phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án ;

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

2. Buộc ông Nguyễn Văn B có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là:

- + Nợ gốc: 371.350.000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 48.258.098 đồng;
- + Lãi quá hạn: 58.596.206 đồng;
- + Phạt chậm trả lãi, phạt trễ kỳ: 2.499.698 đồng;

Tổng cộng 480.704.002 (Bốn trăm tám mươi triệu bảy trăm linh bốn nghìn không trăm linh hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (là ngày 30/12/2020), ông Nguyễn Văn B vẫn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số DOA.CN.2080.190319 ngày 19/3/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong trường hợp ông B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ, Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 503339 do UBND huyện Đông Anh cấp cho ông Nguyễn Văn B ngày 13/12/2011 theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1423.2012/HĐTC lập ngày 03/4/2012 tại Phòng công chứng số 3 Thành phố Hà Nội.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là **23.228.160** (Hai mươi ba triệu hai trăm hai mươi tám nghìn một trăm sáu mươi) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **18.692.000** (Mười tám triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng theo Biên lai số **17635** ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Lâm Bình

